

Số: /2022/NQ-HĐND

Hải Dương, ngày tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế -

ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

1. Quy định phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường như sau:

1.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Đối tượng áp dụng: Tổ chức, cá nhân nộp phí; tổ chức thu phí; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

1.2. Cơ quan, tổ chức thẩm định, thu phí và người nộp phí

- Cơ quan, tổ chức thẩm định, thu phí:

+ Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thu phí đối với các Giấy phép thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp thông qua bộ phận một cửa.

+ Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện thu phí đối với các Giấy phép thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp thông qua bộ phận một cửa.

- Người nộp phí: Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thuộc tỉnh Hải Dương cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường là người nộp phí theo quy định tại Nghị quyết này.

1.3. Mức thu phí

a) Phí thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường:

- Giấy phép thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp:

+ Đối với dự án/cơ sở thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: 9.000.000 đồng/dự án, cơ sở (*bằng chữ: chín triệu đồng/dự án, cơ sở*);

+ Đối với dự án/cơ sở không thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: 10.000.000 đồng/dự án, cơ sở (*bằng chữ: mười triệu đồng/dự án, cơ sở*).

- Giấy phép thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp: 5.300.000 đồng/dự án, cơ sở (*bằng chữ: năm triệu ba trăm nghìn đồng/dự án, cơ sở*).

b) Phí thẩm định cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: Bằng 50% phí thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường.

Mức thu phí nêu trên tính theo lần thẩm định cấp/cấp lại/điều chỉnh giấy phép môi trường. Mức phí không bao gồm chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải theo quy định.

1.4. Thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

- Người nộp phí thực hiện nộp phí thẩm định cùng thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường. Phí được nộp trực tiếp cho tổ chức thu phí hoặc nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước.

- Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

- Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện thẩm định và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật.

Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí được trích lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Quy định lệ phí đăng ký cư trú như sau:

- Mức thu:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
			Các phường thuộc thành phố, thị xã	Các địa bàn còn lại
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người	Đồng/lần đăng ký	15.000	7.000
2	Đăng ký tạm trú theo danh sách	Đồng/người/lần đăng ký	15.000	7.000
3	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú	Đồng/lần điều chỉnh	8.000	4.000
4	Tách hộ	Đồng/lần đăng ký	10.000	5.000
5	Xác nhận thông tin về cư trú	Đồng/lần xác nhận	10.000	5.000
6	Gia hạn tạm trú cả hộ hoặc một người	Đồng/lần gia hạn	10.000	5.000
7	Gia hạn tạm trú theo danh sách	Đồng/người/lần gia hạn	10.000	5.000

- Cơ quan thu: Cơ quan thực hiện đăng ký, quản lý cư trú.

- Chế độ thu, nộp: Nộp 100% vào NSNN.

3. Sửa đổi danh mục tại số thứ tự 6 phần I khoản 1 về Phí của Phụ lục chi tiết phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương như sau: “*Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường*”.

4. Sửa đổi “*đơn vị tính*” tại số thứ tự 15.1 đến số thứ tự 15.4 phần I khoản 1 về Phí của Phụ lục chi tiết phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương như sau: “*đồng/giấy chứng nhận*”.

5. Miễn, giảm phí, lệ phí

- Miễn lệ phí đăng ký cư trú trong trường hợp điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú khi có thay đổi về địa giới hành chính hoặc có sai sót của cơ quan đăng ký cư trú.

- Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch theo quy định tại Điều 10 Luật Phí và lệ phí và khoản 1 Điều 11 Luật Hộ tịch.

6. Các nội dung khác về thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí và các quy định hiện hành.

7. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 8 năm 2022.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bãi bỏ khoản thu tại số thứ tự 12 phần I khoản 1 về Phí; bãi bỏ khoản thu tại số thứ tự 1 phần II khoản 1 về Lệ phí; bỏ điểm c, điểm d khoản 2 về miễn, giảm phí, lệ phí của Phụ lục chi tiết phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khoá XVII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TV Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (*Cục kiểm tra VB*);
- Ban Công tác Đại biểu;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Lãnh đạo và CV Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương, Trang TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Xuân Thăng